

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 683/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 06 tháng 3 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 4297/SXD.QHKT ngày 08/10/2024 về việc báo cáo thẩm định Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Văn bản số 668/SXD.QHKT ngày 28/02/2025 về việc báo cáo tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung như sau:

**1. Tên Chương trình:** Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**2. Cơ quan tổ chức lập chương trình:** Sở Xây dựng Nghệ An.

**3. Đơn vị tư vấn lập chương trình:** Viện nghiên cứu đô thị và phát triển hạ tầng.

**4. Phạm vi thực hiện chương trình:** toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Nghệ An, gồm 20 đơn vị hành chính cấp huyện và phần không gian biển được xác định trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành. Phạm vi cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: tỉnh Thanh Hóa;

- Phía Nam giáp: tỉnh Hà Tĩnh;

- Phía Đông giáp: biển Đông;

- Phía Tây giáp: nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

**5. Thời hạn nghiên cứu:** Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**6. Quan điểm phát triển và mục tiêu của chương trình**

**6.1. Quan điểm phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh**

- Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý giữa 07 phân vùng phát triển (theo định hướng quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), bảo đảm đồng bộ, thống nhất, liên kết, cân đối giữa nội vùng và ngoại vùng, gắn kết quan hệ chặt chẽ tỉnh Nghệ An với các tỉnh Bắc Trung Bộ, nhất là các đô thị trung tâm vùng với các đô thị trong khu vực;

- Từng bước mở rộng không gian phát triển các đô thị trọng điểm và các đô thị cấp vùng, kết nối mạng lưới đô thị toàn tỉnh bằng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hoàn chỉnh, khép kín, liên thông. Trong đó, lấy đô thị Vinh mở rộng làm đô thị hạt nhân trung tâm, cực tăng trưởng quan trọng của tỉnh, liên kết chặt chẽ với các đô thị nòng cốt trung tâm vùng, trung tâm tiểu vùng (Hoàng Mai, Thái Hòa, Diễn Châu, Đô Lương, Trà Lĩnh, Quỳnh Hợp) thành “trục xương sống” để lan tỏa, dẫn dắt, hỗ trợ phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh chặt chẽ, bền vững, đa chiều;

- Phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô (diện tích, dân số) hợp lý theo hướng hiện đại, đặc sắc, giàu bản sắc xứ Nghệ, phát huy được các yếu tố văn hóa đặc trưng, tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực phát triển và phù hợp với mô hình đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh.

**6.2. Mục tiêu của chương trình**

- *Mục tiêu tổng quát:*

+ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị;

+ Cụ thể hóa: Mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị ban hành tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023; phương án phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 và các quy hoạch, chương trình, kế hoạch có liên quan;

+ Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị động lực, thông minh kết nối với khu vực; kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững; chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị;

+ Phát triển không gian, kiến trúc đô thị giàu bản sắc; phát huy và giữ gìn giá trị văn hóa con người xứ Nghệ gắn với các yếu tố đặc trưng từng đô thị để xây dựng các đô thị với diện mạo hiện đại, thông minh, xanh, phù hợp với các yêu cầu tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu đồng bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ vùng biên giới;

+ Làm cơ sở để quản lý phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh; lập các chương trình, đề án nâng cấp, mở rộng không gian của hệ thống đô thị toàn tỉnh đảm bảo mục tiêu đề ra; xây dựng các Kế hoạch phát triển hệ thống đô thị có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn; xác định danh mục các dự án phát triển đô thị để huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển đô thị;

+ Hoàn thiện thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững trên địa bàn tỉnh, thực hiện phát triển đô thị, phát huy hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- *Mục tiêu cụ thể:* Phân đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 45 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Vinh mở rộng), 02 đô thị loại III (thành phố Hoàng Mai và thành phố Thái Hòa), 02 đô thị loại IV/III (thị xã Diễn Châu và thị xã Đô Lương), 15 thị trấn huyện lỵ và 25 thị trấn tiểu vùng thuộc huyện.

## **7. Nội dung chương trình:**

### **7.1. Các chỉ tiêu phát triển đô thị tỉnh Nghệ An:**

*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*

**7.2. Danh mục hệ thống đô thị, lộ trình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt hệ thống quy hoạch chung đô thị, chương trình phát triển đô thị và đề án nâng loại hệ thống đô thị:**

*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*

**7.3. Các chương trình, đề án, đề tài nghiên cứu trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị:**

- Đề án xây dựng dữ liệu về Quy hoạch phát triển đô thị trên nền tảng số (GIS).
- Lập đề án phát triển nhà ở xã hội.
- Lập Đề án phát triển giao thông công cộng.
- Lập Đề án phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị; đồng thời ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- Lập đề án quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh.
- Lập đề án xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị.
- Lập Chương trình, kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.
- Nghiên cứu, xây dựng đề tài: phát triển hệ thống hạ tầng khung của Quốc gia và tỉnh; hạ tầng và các giải pháp quản lý ứng phó với biến đổi khí hậu; mô hình đô thị nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu; mô hình thúc đẩy đô thị thông minh tỉnh Nghệ An; phát triển tỉnh Nghệ An theo hướng xanh (cây xanh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, quản lý chất thải, phát thải,...); phát triển giao thông công cộng (xe Bus, Metro...).
- Thí điểm xây dựng và thực hiện Đề án thành phố ánh sáng Thành phố Vinh giai đoạn 2024 - 2025 (có tính đến năm 2030).

**7.4. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư; dự kiến nhu cầu vốn đầu tư; nguồn lực thực hiện; danh mục nhóm các dự án và giải pháp sử dụng nguồn vốn theo thứ tự ưu tiên thực hiện chương trình, các dự án đầu tư phát triển đô thị:**

a) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối các đô thị và nguồn lực thực hiện:

*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*

b) Ước tính tổng nhu cầu vốn phát triển đô thị tỉnh Nghệ An theo giai đoạn từ nay đến năm 2030 là: 97.187 tỷ đồng, trong đó dự báo:

- Nhu cầu kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ:
  - + Thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt các đề án Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị, Đề án phân loại đô thị là 222 tỷ đồng;
  - + Xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật là 85.025 ỷ đồng;

- + Xây dựng khung hạ tầng xã hội là 11.940 tỷ đồng.
- Dự báo nguồn vốn:
  - + Ngân sách Trung ương: 35.089 tỷ đồng (chiếm 36,1%);
  - + Ngân sách địa phương: 27.860 tỷ đồng (chiếm 28,7%)
  - + Nguồn vốn khác: 34.238 tỷ đồng (chiếm 35,2%).

c) Nguồn lực: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác. Trong đó, khuyến khích áp dụng cơ chế chính sách đặc thù phát triển Nghệ An tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội để đầu tư phát triển hạ tầng khung cho chương trình.

d) Danh mục nhóm các dự án và giải pháp sử dụng nguồn vốn theo thứ tự ưu tiên thực hiện chương trình, các dự án:

- Nhóm 1: Hoàn thành các quy hoạch chung đô thị, chương trình phát triển đô thị, đề án nâng loại đô thị. Trong đó, đặc biệt là các ưu tiên hoàn thành tại 07 đô thị trung tâm vùng (Vinh, Hoàng Mai, Thái Hòa, Đô Lương, Diễn Châu, Trà Lĩnh, Quỳnh Hợp) và hỗ trợ ngân sách cho các địa phương vùng miền núi phía Tây (Tương Dương, Kỳ Sơn, Con Cuông, Quỳnh Châu, Quế Phong) hoàn thành các nhiệm vụ.

- Nhóm 2: Ưu tiên đầu tư các dự án phát triển hệ thống hạ tầng khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có khả năng khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của các đô thị tương ứng với từng giai đoạn;

- Nhóm 3: Hoàn thành các dự án hạ tầng xã hội khung.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Xây dựng**

- Tổ chức công bố chương trình, gửi tài liệu cho các cơ quan liên quan và lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương triển khai lập quy hoạch chung xây dựng, Chương trình phát triển từng đô thị; đề án đề nghị công nhận đô thị theo lộ trình.

### **2. Các Sở, ban, ngành có liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án và chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách có liên quan đến quản lý, phát triển đô thị; huy động, phát huy hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu phát triển đô thị, quy hoạch, chương trình phát

triển đô thị, đề án nâng loại đô thị của từng đô thị và phát triển hệ thống kết dự án hạ tầng khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối theo các Phụ lục kèm theo.

### 3. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Chủ động rà soát, đánh giá thực trạng về phát triển đô thị trên địa bàn do địa phương quản lý và triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, phù hợp với các quy hoạch, chương trình, kế hoạch về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An theo định hướng và quy định pháp luật.

- Tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh: các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn, chương trình phát triển đô thị, đề án phân loại đô thị, các báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của từng đô thị trên địa bàn phù hợp với quy hoạch tỉnh Nghệ An, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan theo quy định.

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan, tổ chức phân loại đô thị đối với các đô thị (thành phố, thị xã, thị trấn, đô thị mới) trên địa bàn do địa phương quản lý, phù hợp với lộ trình và kế hoạch thực hiện phân loại đô thị được phê duyệt tại Chương trình và các chương trình, kế hoạch, quy hoạch có liên quan theo quy định pháp luật hiện hành.

- Chủ trì lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị trên địa bàn trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, nhất là quản lý về trật tự xây dựng đô thị đối với các đô thị, khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị theo quy định.

#### **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở/Thủ trưởng ban ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận: *HA*

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- BTV Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CTT Nghệ An, Báo Nghệ An;
- VPUB: các PVP, các phòng CN, NN, TH, KT;
- Lưu: VT, CN (H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Thanh An**

**PHỤ LỤC I:**  
**CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO DÕI, CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Giai đoạn đến năm 2030:**

TT	Chỉ tiêu phân đầu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu phân đầu		Cơ quan chủ trì theo dõi, chỉ đạo	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
			Đến năm 2025	Đến năm 2030			
1	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	36	45	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Sở Nội vụ và các Sở, ngành có liên quan
2	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên	%	4	4,5 - 5	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan
3	Phát triển số lượng đô thị toàn tỉnh	Đô thị	23 <sup>(1)</sup>	45 <sup>(2)</sup>	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan
4	Tỷ lệ phủ kín hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến các hộ gia đình, phổ cập dịch vụ mạng di động 4-5G và điện thoại thông minh	%	80	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan
5	Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	11 - 16	16 - 26	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan
6	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng trung bình tại các đô thị	%	10	20	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan
7	Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đô thị	m <sup>2</sup> / người	6 - 8	8 - 10	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan

8	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị	m <sup>2</sup> / người	28	32	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
9	Tỷ lệ nhà ở kiên cố tối thiểu tại các đô thị	%	-	80	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
10	Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	90	100	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
11	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt tại đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn	Loại I	%	-	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
		Loại IV trở lên	%	-				50
		Loại V	%	-				40
12	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới tại khu vực đô thị được áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm	%	100	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
13	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong đô thị được xử lý	%	100	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
14	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị	%	-	99	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
15	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom tại khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	-	95	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	
16	Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường	%	100	-	- CTR CN: Sở Nông nghiệp và Môi trường; - CTR Y tế: Sở Y tế	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Các Sở, ngành có liên quan	



17	Tỷ lệ chiều dài các tuyến đường chính và khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng tại các đô thị	Loại III trở lên	%	95	100	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Sở Công thương và các Sở, ngành có liên quan
		Còn lại		85	90			

**2. Tầm nhìn đến 2050:** Tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh thuộc nhóm trung bình cao của cả nước. Xây dựng được ít nhất 02 đô thị hàng đầu cả nước, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới đô thị của tỉnh, khu vực và quốc gia.

**Ghi chú:**

(1): 01 thành phố là đô thị phố loại I; 02 thị xã là đô thị loại IV/III; 17 thị trấn tiêu vùng là đô thị loại IV/V và 03 các trung tâm xã đạt tiêu chí đô thị loại V.

(2): 03 thành phố (01 thành phố là đô thị phố loại I; 02 thành phố là đô thị loại III); 02 thị xã (đô thị loại IV hoặc loại III) và 40 đô thị loại V/IV các loại.

**PHỤ LỤC II**  
**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÂNG LOẠI ĐÔ THỊ CỦA HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TOÀN TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2030**

TT	Địa bàn	Cấp đô thị hiện trạng	Đến năm 2030		Kế hoạch hoàn thành			Ghi chú
			Tên đô thị	Cấp đô thị	Quy hoạch	Chương trình PTĐT	Đề án nâng loại	
I	Vùng 1	<b>Vùng Vinh, Nghi Lộc, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Cửa Lò (đô thị Vinh là đô thị động lực vùng)</b>						
1	Thành phố Vinh	I	<b>Thành phố Vinh (mở rộng)</b>	I	2025	2026	Đã hoàn thành (*)	* Chương trình PTĐT đô thị Vinh đã phê duyệt tại QĐ số 3836/QĐ-UBND ngày 23/11/2023. Sau khi quy hoạch chung TP Vinh mở rộng được duyệt sẽ tiếp tục lập điều chỉnh (nếu cần thiết)
	Thị xã Cửa Lò	III						
2	Huyện Nghi Lộc	V	Thị trấn Quán Hành	V	2026	2027	Trước 2030	
		Mới	Thị trấn Chợ Thượng	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Khánh Hợp	V	2027	2028		
3	Huyện Nam Đàn	V	Thị trấn Nam Đàn	IV	2026	2027		
		Mới	Đô thị Nam Giang	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Trung Phúc Cường	V	2027	2028		
4	Huyện Hưng Nguyên	V	Thị trấn Hưng Nguyên	V	2026	2027		
		Mới	Đô thị Long Xá	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Hưng Thịnh	V	2027	2028		

II	Vùng 2	Vùng Hoàng Mai, Quỳnh Lưu (đô thị Hoàng Mai là đô thị động lực vùng)						
1	TX Hoàng Mai	-	<b>Thành phố Hoàng Mai</b>	III	2025	2026	Trước 2030	
2	Huyện Quỳnh Lưu	V	Thị trấn Cầu Giát	IV	2025	2026		
		Mới	Đô thị Sơn Hải – Quỳnh Nghĩa	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Tuần	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Quỳnh Bảng	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Tân Thắng	V	2027	2028		
Mới	Đô thị Quỳnh Văn	V	2027	2028				
III	Vùng 3	Vùng Nghĩa Đàn, Thái Hòa (đô thị Thái Hòa là đô thị động lực vùng)						
1	Thị xã Thái Hòa	IV	<b>Thành phố Thái Hòa</b>	III	2026	2027	Trước 2030	
2	Huyện Nghĩa Đàn	V	Thị trấn Nghĩa Đàn	V	2026	2027		
		Mới	Đô thị Nghĩa Sơn	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Long Nghĩa	V	2027	2028		
IV	Vùng 4	Vùng Diễn Châu, Yên Thành (đô thị Diễn Châu là đô thị động lực vùng)						
1	Huyện Diễn Châu (Thị trấn Diễn Châu)	V	<b>Thị xã Diễn Châu</b>	IV	2026	2027	Trước 2030	Thành lập thị xã Diễn Châu trên phạm vi toàn huyện
2	Huyện Yên Thành	V	Thị trấn Hoa Thanh	IV	2025*	2026		* Đã phê duyệt NVQH
		Mới	Đô thị Vân Tụ	V	2027	2028		
		Mới	Đô thị Đô Thành	V	2027	2028		



VII	Vùng 7	Vùng Quy Hợp, Quy Châu, Quế Phong (đô thị Quy Hợp là đô thị động lực vùng)					
1	Huyện Quy Hợp	V	<b>Thị trấn Quy Hợp (mở rộng)</b>	V	2026	2027	Trước 2030
		Mới	Đô thị Sông Dinh	V	2027	2028	
2	Huyện Quy Châu	V	Thị trấn Tân Lạc	V	2026	2027	
		Mới	Đô thị Châu Bình	V	2027	2028	
3	Huyện Quế Phong	V	Thị trấn Kim Sơn	V	2026	2027	
		Mới	Đô thị Tri Lễ	V	2027	2028	

**PHỤ LỤC III:**  
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG, CÔNG TRÌNH**  
**HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐẦU MỐI VÀ CÁC DỰ ÁN KHÁC**

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
<b>A</b>	<b>Các Đồ án quy hoạch, đề án phân loại đô thị, chương trình phát triển đô thị</b>		
<b>I</b>	<b>Quy hoạch chung đô thị</b>		
1	Điều chỉnh QH chung TP Vinh (theo đề án mở rộng)	Theo quy mô đô thị	Chương trình phát triển đô thị
2	Điều chỉnh QH chung thị xã Thái Hòa	Theo quy mô đô thị	
3	Điều chỉnh QHC thị xã Hoàng Mai	Theo quy mô đô thị	
4	QH chung Đô thị Đô Lương	Theo quy mô đô thị	
5	QH chung Đô thị Diễn Châu	Theo quy mô đô thị	
6	QH chung Đô thị Trà Lân	Theo quy mô đô thị	
7	Điều chỉnh quy hoạch chung 14 đô thị hiện có	Theo quy mô đô thị	
8	QH chung 21 đô thị mới theo QH tỉnh	Theo quy mô đô thị	
<b>II</b>	<b>Chương trình phát triển đô thị</b>		
1	Chương trình PTĐT toàn tỉnh	Theo quy mô đô thị	Chương trình phát triển đô thị
2	Điều chỉnh Chương trình PTĐT thị Vinh	Theo quy mô đô thị	
3	Chương trình PTĐT thị xã Thái Hòa	Theo quy mô đô thị	
4	Chương trình PTĐT thị xã Hoàng Mai	Theo quy mô đô thị	
5	Chương trình PTĐT thị xã Đô Lương	Theo quy mô đô thị	
6	Chương trình PTĐT thị xã Diễn Châu	Theo quy mô đô thị	
7	Chương trình PTĐT Trà Lân	Theo quy mô đô thị	
8	Chương trình PTĐT các đô thị còn lại	Theo quy mô đô thị	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
<b>III</b>	<b>Đề án phân loại đô thị</b>		
1	Đề án phân loại đô thị thị xã Thái Hòa	Theo quy mô đô thị	Chương trình phát triển đô thị
2	Đề án phân loại đô thị thị xã Hoàng Mai	Theo quy mô đô thị	
3	Đề án phân loại đô thị thị xã Đô Lương	Theo quy mô đô thị	
4	Đề án phân loại đô thị thị xã Diễn Châu	Theo quy mô đô thị	
5	Đề án phân loại đô thị Trà Lĩnh	Theo quy mô đô thị	
6	Đề án phân loại đô thị của 39 đô thị khác	Theo quy mô đô thị	
<b>B</b>	<b>Khung hạ tầng kỹ thuật</b>		
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>		
	<b>Giao thông quốc gia</b>		
1	Cao tốc Bắc - Nam phía Đông Diễn Châu - Bãi Vọt	Mở rộng từ 4 lên 6 làn xe	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Xây mới Cao tốc Vinh - Thanh Thủy	4 làn xe đến 2030	
3	Quốc lộ 15 đoạn Đô Lương - Tân Kỳ	18,85km, cấp III, IV	
4	Quốc lộ 48B đoạn Km12-Km25	11,5km cấp IV	
5	Quốc lộ 48	58,86km, cấp III	
6	Nâng cấp QL46B (đoạn nối TT Thanh Chương - TT Đô Lương)	17km cấp III	
7	Quốc lộ 48E (đoạn nối QL 1 tránh Vinh - QL7)	23km, cấp III	
8	Quốc lộ 1A (Quán Bính - Bến Thủy)	9km, đô thị	
9	Mở rộng Quốc lộ 46	24km	
	<b>Giao thông cấp tỉnh</b>		
10	Xây dựng mới Đường tỉnh 534C	Cấp V, dài 25 km	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
11	Xây dựng mới Đường tỉnh 534E	Cấp V, dài 38 km	
12	Xây dựng mới Đường tỉnh 544C	Cấp V, dài 20 km	
13	Nâng cấp đường tỉnh 545 kéo dài đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến Quốc lộ 7B	Dài 33km, cấp IV	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
14	Tuyến tránh thị xã Thái Hòa	Quy mô cấp III; chiều dài 11 km; 2-4 làn xe	
15	Tuyến tránh thị trấn Nam Đàn	Đường cấp III; dài 6 km, 2 làn xe	
16	Đường bộ ven biển Hoàng Mai - Cửa Lò	Đường cấp III; dài 72 km, 2-4 làn xe	
17	Xây dựng đường tránh núi Nguộc từ Ngọc Sơn đến TT Thanh Chương	6km, đường cấp IV	
18	Xây dựng tuyến đường tránh đô thị Diễn Châu đoạn từ Quốc lộ 7B đến Quốc lộ 7A	Đường cấp III, dài 4,6km	
19	Đường nối từ QL46C tại Thanh Lĩnh đi Đại Đồng, Thanh Phong nối Quốc lộ 7C (xã Thanh Lĩnh thuộc vùng mở rộng Thị trấn Thanh Chương);	Dài 12km đường cấp IV	
20	Nâng cấp, cải tạo hệ thống đường tỉnh trên địa bàn		
21	Xây dựng 8 cầu thuộc huyện Kỳ Sơn (Xốp Nhị, Yên Hòa, Mường Xén 2, Piêng Mẹt, Xốp Típ, Xiêng Thù, Khe Tang, Mường Xén 1)		
22	Xây dựng 4 cầu tại huyện Tương Dương: Tây TT Thạch Giám, Bãi Sỡ, Xốp Mạt, Đông TT Thạch Giám)		
23	Xây dựng 6 cầu tại huyện Con Cuông: Cam Lâm, Chôm Lôm, Lam Khê, Bãi Ôi, Thanh Nam, Khe Rạn)		
24	Xây dựng 7 cầu tại huyện Anh Sơn: Thị trấn - Đức Sơn, Gon, Tào - Lĩnh, Thúng Nổi, Cẩm Hùng, Anh Sơn - Tân Kỳ, Long Tiến)		
25	Xây dựng 8 cầu tại huyện Thanh Chương (Rạng, Quánh, Phuồng, Giảng, Mô Vịnh, Ba Bến, Nho Mỹ)		
26	Xây dựng 3 cầu tại huyện Nam Đàn: Nam Đàn 1, Nam Đàn 2, Xuân Lâm - Khánh Sơn	Quy mô được xác định ở bước chuẩn bị đầu tư	
27	Xây dựng cầu Bến Thủy 3		
28	Xây dựng 3 cầu tại huyện Kỳ Châu: Sông Hiếu 1, Sông Hiếu 2, Sông Hiếu 3		
29	Xây dựng 4 cầu tại huyện Kỳ Hợp: Dinh 6, Dinh 3, Dinh 5, Dinh 4		
30	Xây dựng 4 cầu tại thị xã Thái Hòa: Hiếu 1, Hiếu 3, Hiếu 5		



TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
31	Xây dựng 5 cầu tại huyện Tân Kỳ: Rời 2, An Ngãi, Côn Phôi, Bãi Đá, Thái Sơn		
32	Xây dựng 2 cầu tại huyện Nghĩa Đàn: Bến Mười, Nghĩa Thành		
33	Xây dựng 2 cầu tại huyện Quế Phong: Cẩm Muộn, Quang Phong		
<b>II</b>	<b>Cấp điện</b>		
1	Xây dựng mới trạm 550kV Quỳnh Lưu; trạm cắt 500kV Nam Cẩm	Công suất 1.800 MVA	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Xây dựng mới 2 TBA 220kV (Nam Cẩm, Quỳnh Hợp)		
3	Nâng công suất 01 TBA 220kV Đô Lương lên 2x250MVA	2x250MVA	
4	Xây dựng mới 553 km đường dây 220kV	553km	
5	Cải tạo 166km đường dây 220kV hiện hữu	166km	
6	Xây dựng mới 40 TBA phân phối 110kV	40TBA 110KV	
7	Nâng công suất 14 trạm biến áp 110kV	14TBA 110kV	
8	Xây dựng mới 653km đường dây 110kV	653km	
<b>III</b>	<b>Cấp nước</b>		
1	Xây dựng mới NMN nam Hưng Nguyên	20.000m <sup>3</sup> /ngđ	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Xây dựng mới NMN KCN Nam Đàn	15.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
3	Xây dựng mới NMN liên vùng Thái Hòa 2	50.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
4	Xây dựng mới NMN Đô Lương 2	120.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
5	Xây dựng mới NMN Tam Quan	2.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
6	Xây dựng mới NMN Khe Choảng	2.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
7	Xây dựng mới NMN Võ Liệt	15.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
8	Xây dựng mới NMN Anh Sơn 2	10.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
9	Xây dựng mới NMN Sông Dinh	3.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
10	Xây dựng mới NMN KCN Tân Kỳ	12.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
11	Nâng công suất nhà máy nước Cầu Bạch	120.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
12	Nâng công suất nhà máy nước Hưng Nguyên	60.000 m <sup>3</sup> /ngđ	
13	Nâng công suất NMN Kim Liên	20.000 m <sup>3</sup> /ngđ	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN	
14	Nâng công suất NMN Nam Đàn	20.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
15	Nâng công suất NMN Nghi Hoa	40.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
16	Nâng công suất NMN Cầu Giát	20.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
17	Nâng công suất NMN Hoàng Mai	90.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
18	Nâng công suất NMN Thái Hòa	10.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
19	Nâng công suất NMN Đô Lương	20.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
20	Nâng công suất NMN Hòa Sơn	20.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
21	Nâng công suất NMN Yên Thành	5.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
22	Nâng công suất NMN Diễn Châu	13.4000 m <sup>3</sup> /ngđ		
23	Nâng công suất NMN Kỳ Sơn	5.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
24	Nâng công suất NMN Tương Dương	6.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
25	Nâng công suất NMN Con Cuông	10.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
26	Nâng công suất NMN Thanh Chương	20.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
27	Nâng công suất NMN Anh Sơn	1.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
28	Nâng công suất NMN Quỳnh Châu	5.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
29	Nâng công suất NMN Quỳnh Hợp	10.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
30	Nâng công suất NMN Tân Kỳ	10.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
31	Nâng công suất NMN Kim Sơn	6.000 m <sup>3</sup> /ngđ		
<b>IV</b>	<b>Xử lý nước thải, rác thải, môi trường</b>			\
1	Xây dựng, mở rộng hệ thống thu gom xử lý nước thải thành phố Vinh	Công suất 60.000 m <sup>3</sup> /ngđ		Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải thị xã Cửa Lò	Công suất 15.000m <sup>3</sup> /ngđ		
3	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải thị xã Hoàng Mai	Công suất 10.000m <sup>3</sup> /ngđ		

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
4	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải thị xã Thái Hòa	Công suất 10.000m <sup>3</sup> /ngđ	
5	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị Diễn Châu	Công suất 10.000m <sup>3</sup> /ngđ	
6	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị Đô Lương	Công suất 5.000m <sup>3</sup> /ngđ	
7	Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị Nam Đàn	Công suất 5.000m <sup>3</sup> /ngđ	
11	Xây dựng nhà máy xử lý CTR tại Bản Bon, thị trấn Kim Sơn	công suất đốt 45 tấn/ngày	
12	Nhà máy xử lý CTR Châu Hội	Công suất đốt 10 tấn/ngày	
13	Cải tạo, nâng cấp khu xử lý CTR Nậm Cắn	Công suất đốt 45 tấn/ngày	
14	Xây dựng nhà máy xử lý CTR tại xã Tam Thái	Công suất đốt 30-100 tấn/ngày	
15	Xây dựng nhà máy xử lý CTR T-TECH	Công suất đốt là 70 tấn/ngày	
16	Xây dựng nhà máy xử lý CTR tại xã Nghĩa Bình	Công suất đốt là 89 tấn/ngày	
17	Hoàn thiện nhà máy xử lý CTR tại xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn	Công suất đốt là 150 tấn/ngày	
18	Nâng công suất nhà máy xử lý CTR tại xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng mai	160 tấn/ngày	
19	Xây dựng nhà máy xử lý CTR tại xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	230 tấn/ngày	
20	Xây dựng nhà máy xử lý CTR tại xã Lăng Thành, huyện Yên Thành	90 tấn/ngày	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
<b>V</b>	<b>Thông tin - truyền thông</b>		
1	Trung tâm tích hợp dữ liệu và triển khai điện toán đám mây riêng của tỉnh (Xây dựng, nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu số và triển khai điện toán đám mây của tỉnh đảm bảo hạ tầng cho chuyển đổi số)	Quy mô được xác định ở bước chuẩn bị đầu tư	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Xây dựng và nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin ( Xây dựng và nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC), bao gồm cả việc Ứng dụng công nghệ hiện đại trong việc Giám sát thông tin trên môi trường mạng)		
3	Nâng cấp, mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh		
4	Chuyển đổi số Đài phát thanh và truyền hình Nghệ An (Nâng cấp và mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và xây dựng kho lưu trữ dữ liệu gốc trung tâm của tỉnh)		
5	Chuyển đổi số hệ thống thông tin cơ sở (Số hóa phát thanh và hệ thống truyền thanh cơ sở)		
6	Triển khai hoàn thiện Chính quyền điện tử/Chính quyền số tỉnh		
7	Xây dựng CSDL các ngành, lĩnh vực địa phương (Nâng cấp các CSDL chuyên ngành cho các sở ban ngành của tỉnh)		
8	Xây dựng đô thị thông minh thành phố Vinh	Theo dự án	
<b>C</b>	<b>Khung hạ tầng xã hội</b>		
<b>I</b>	<b>Giáo dục</b>		
1	Đầu tư xây dựng Trường Đại học Nghệ An	Quy mô được xác định ở bước chuẩn bị đầu tư	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Đầu tư xây dựng các trường THPT DTNT, THCS DTNT, THCS DTBT trên địa bàn tỉnh Nghệ An		
3	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và cải tạo các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Phòng học văn hóa, phòng bộ môn, nhà đa năng, thư viện,...	
4	Trung tâm giáo dục - Dạy nghề người khuyết tật	Đầu tư cơ sở vật chất	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
5	Trường cao đẳng Du lịch - Thương mại Nghệ An	Đầu tư cơ sở vật chất	
6	Trường Trung cấp kinh tế công nghiệp thủ công nghiệp	Đầu tư cơ sở vật chất	
7	Trường Cao đẳng Việt Đức	Đầu tư cơ sở vật chất	
8	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam	Đầu tư cơ sở vật chất	
II	<b>Y tế</b>		Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An, cơ sở II	500 giường	
2	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Lão khoa	300 giường	
3	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	300 giường	
4	Dự án xây dựng Bệnh viện Sản Nhi khu vực Tây Bắc	250 giường	
5	Dự án đầu tư nâng cấp Trung tâm Huyết học và Truyền máu	200 giường	
6	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Bệnh viện Mắt	Mở rộng quy mô lên 200 giường	
7	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc	Mở rộng quy mô lên 600 giường	
8	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam	Mở rộng quy mô lên 500 giường	
9	Dự án xây dựng Trung tâm Xét nghiệm tập trung	Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	
10	Dự án nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn	Mở rộng quy mô lên 300 giường	
11	Dự án nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ	Mở rộng quy mô lên 300 giường	
12	Dự án nâng cấp mở rộng cơ sở 1 và xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Y học cổ truyền	Nâng cấp cơ sở 1; XD cơ sở 2 quy mô 200 giường	
13	Dự án nâng cấp cải tạo các Trạm Y tế để nâng cao chất lượng y tế cơ sở	Nâng cấp cơ sở vật chất	

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN	
14	Xây dựng mới khu nhà điều trị phục vụ bệnh nhân (9 tầng) tại Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh	Mở rộng quy mô lên 800 giường		
15	Dự án đầu tư xây dựng nhà khám, điều trị phục hồi chức năng và mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	Mở rộng quy mô lên 450 giường		
16	Xây dựng bệnh viện Ung bướu giai đoạn III	Mở rộng quy mô		
17	Dự án đầu tư xây mới nhà khoa khám bệnh và mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn; Quế Phong; Hưng Nguyên	Mở rộng quy mô		
18	Dự án đầu tư xây mới nhà làm việc tại Trung tâm Y tế huyện Con Cuông	Xây mới nhà làm việc tại Trung tâm Y tế huyện		
19	Nâng cấp, cải tạo BV Phong - Da Liễu Quỳnh Lập thành BV ĐKKV phía Bắc Nghệ An	Mở rộng quy mô lên 300 giường		
20	Xây dựng mới Trung tâm Bệnh nhiệt đới để làm khu điều trị nội trú và Hồi sức cấp cứu 100 giường 07 tầng	100 giường		
21	Xây dựng Bệnh viện Tim mạch	300 giường		
III	<b>Văn hóa - xã hội</b>			
1	Xây dựng khu văn hóa thể thao 10 huyện	Nhà văn hóa, sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi		Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
2	Xây dựng Trung tâm văn hóa tỉnh	Quy mô được xác định ở bước chuẩn bị đầu tư		
3	Nâng cấp Thư viện công cộng thông minh tỉnh Nghệ An			
4	Nâng cấp bảo tàng thông minh tỉnh Nghệ An			

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	QUY MÔ DỰ KIẾN	CĂN CỨ THỰC HIỆN
5	Nâng cấp bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh thông minh	Quy mô được xác định ở bước chuẩn bị đầu tư	
6	Bảo tồn, tôn tạo di tích Quốc gia đặc biệt Km 0 đường Hồ Chí Minh huyện Tân Kỳ		
7	Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở		
8	Bảo tồn khu di tích Kim Liên		

